TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 58/2026/DS-ST
Ngày: 06 - 8 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 30 tháng 7 và ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2026/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2026/QĐST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2026; Quyết định tạm ngừng phiên toà số 22/2026/QĐST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số H, đường số F, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt các ngày 21 tháng 7 và ngày 06 tháng 8 năm 2026, có mặt ngày 30 tháng 7 năm 2026.*

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quang N, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số E, đường P, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt các ngày 21 và 30 tháng 7, có mặt ngày 06 tháng 8 năm 2026.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Phạm Thị Họa M, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số H, đường số F, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

3.2 Bà Đỗ Thị Thúy H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số E, đường P, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

4. *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L:* Ông Lê Hồng K, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn N (nay là thôn B), xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt các ngày 21 và 30 tháng 7, vắng mặt ngày 06 tháng 8 năm 2026.*

5. Người làm chứng:

5.1 Ông Trương Văn L1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số H, đường số F, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

5.2 Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Đường số D, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt ngày 30 tháng 7 năm 2026, vắng mặt ngày 06 tháng 8 năm 2026.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại các phiên toà ngày 21 và 30 tháng 7 năm 2026 nguyên đơn, người đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Hữu L và ông Trần Quang N không có quan hệ họ hàng hay làm ăn chung với nhau mà chỉ quen biết ngoài xã hội. Trong quá trình quen biết, ông N có nhiều lần vay tiền của ông L để làm ăn. Vào khoảng tháng 01 năm 2023 ông L có cho ông N vay số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, tháng 03 năm 2023 cho vay 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*; các khoản vay đều không thoả thuận lãi suất, cũng không thoả thuận thời hạn trả cụ thể, vì là vay tạm nên các bên không lập giấy tờ gì. Việc thoả thuận vay, giao nhận tiền được thực hiện tại nhà ông L, có sự chứng kiến của bà Phạm Thị Họa M là vợ ông L, ngoài ra không có ai khác. Sau khi nhận tiền vay cho đến nay, mặc dù ông L đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông N không hoàn trả cho ông L bất kỳ số tiền nào. Ông L đã nhiều lần trực tiếp gặp, gọi điện thoại và nhắn tin yêu cầu ông N hoàn trả nhưng ông N không trả lời và cố tình trốn tránh. Trong một lần tình cờ gặp ông N tại nhà của ông N, ông L đã trực tiếp trao đổi về khoản vay và sử dụng điện thoại di động của mình

để quay video nhằm xác nhận việc ông N còn nợ ông L số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*; thời điểm quay video có ông Trương Văn L1, ông Trương Văn Đ cùng tham gia, chứng kiến. Nội dung video đã được ông Lý L2 Vi bằng giao nộp cho Tòa án. Số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* cho ông N vay là tài sản riêng của ông L, có được từ hoạt động kinh doanh riêng không phải là tài sản chung của vợ chồng ông L. Nên ông L yêu cầu ông Trần Quang N và bà Đỗ Thị Thúy H liên đới phải trả cho ông L số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và mức lãi suất của Ngân hàng 10%/năm tính từ ngày khởi kiện (29/01/2026) cho đến ngày trả xong số tiền trên.

Tại phiên toà ngày 30 tháng 7 năm 2026, ông Nguyễn Hữu L giữ nguyên yêu cầu ông Trần Quang N và bà Đỗ Thị Thúy H liên đới phải trả cho ông L số tiền vay 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và rút lại yêu cầu tính lãi. Trong quá trình Hội đồng xét xử nghị án, ngày 05 tháng 8 năm 2026 ông L có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa ngày 06/8/2026 bị đơn ông Trần Quang N trình bày:

Ông N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L; bởi ông N không vay tiền của ông L. Ông L khởi kiện yêu cầu ông N, bà H trả khoản tiền nợ vay đề nghị ông L cung cấp giấy tờ chứng minh. Ông N không đồng ý với nội dung video mà ông L nộp cho Toà án vì không khách quan, ông L dẫn người đến nhà ông N mang theo hung khí, quậy phá, la hét, đe doạ quay video, nội dung video đã được cắt, ghép theo hướng có lợi cho ông L. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông L.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thúy H, bà Phạm Thị Họa M:

Mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có đơn khởi kiện độc lập cũng không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, cũng không tham gia làm việc và tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có đơn khởi kiện phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Quang N, hiện cư trú tại xã H, tỉnh Lâm Đồng; Ông Nguyễn Hữu L khởi kiện yêu cầu ông N, bà H liên đới phải trả khoản tiền nợ vay, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng và quan hệ tranh chấp cần giải quyết là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025; Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Tại phiên toà ngày 21 tháng 7 năm 2026 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Trần Quang N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thúy H, bà Phạm Thị Họa M vắng mặt không có lý do chính đáng, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Vắng mặt nguyên đơn nhưng có mặt người đại diện tham gia phiên toà. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227, các khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2019,

2020, 2022, 2023, 2024, 2025 Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự trên tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Họa M, bà Đỗ Thị Thúy H mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia làm việc cũng không tham gia phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự, người đại diện giao nộp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4] Quá trình tố tụng ông Nguyễn Hữu L yêu cầu Toà án buộc ông Trần Quang N, bà Đỗ Thị Thúy H liên đới phải hoàn trả khoản tiền nợ vay 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh. Sau khi kết thúc phần tranh tụng ngày 30 tháng 7 năm 2026, Hội đồng xét xử chuyển sang phần nghị án; ngày 05 tháng 8 năm 2026, trong quá trình Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tại phiên toà ngày 06 tháng 8 năm 2026, ông Trần Quang N không có ý kiến gì về việc nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện; bị đơn không có đơn khởi kiện phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập. Nên cần đình chỉ vụ án là phù hợp.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng tại phiên toà phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

[6] Nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Nguyên đơn được khởi kiện lại vụ án theo quy định.

[7] Các đương sự, người đại diện đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 217, 218, 219, khoản 2 Điều 227, các khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, các Điều 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

2. Tuyên xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L về việc yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Trần Quang N, bà Đỗ Thị Thúy H liên đới phải trả cho ông Nguyễn Hữu L số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và mức lãi suất của Ngân hàng 10%/năm tính từ ngày 29/01/2026 cho đến ngày trả xong số tiền.

- Ông Nguyễn Hữu L được quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại vụ án theo quy định.

3. Về án phí:

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu L số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002894, ngày 12/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự, người đại diện vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, khoản 1 Điều 34, các Điều 36, 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐKT,TT&THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng THADS Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.

Trần Đình Trường